

SÁNG TẠO LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

NGUYỄN QUANG DƯƠNG*

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đại hội XIII của Đảng khẳng định, sau 35 năm đổi mới, “lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa”⁽¹⁾. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua hơn 35 năm đổi mới cho thấy sự sáng tạo lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Lý luận về chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam có vị trí then chốt, vai trò bao trùm trong hệ thống lý luận chính trị, phản ánh mô hình tổng thể, đặc trưng bản chất của chế độ chính trị gắn với mục tiêu, phương thức, con đường phát triển đất nước. Đóng vị trí then chốt, vì lý luận này chế định đến các phân hệ - lĩnh vực khác của lý luận chính trị; đóng vai trò bao trùm vì nó thiết kế nên mô hình CNXH ở Việt Nam và vạch ra con đường hiện thực hóa từng bước mô hình đó trong từng chặng đường, từng bước phát triển.

Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Xác định mô hình CNXH với những đặc trưng cấu trúc phản ánh chất lượng phát triển của mô hình ở dạng hoàn chỉnh trong tương lai là một trong những vấn đề lý luận cơ bản đầy khó khăn, phức tạp, luôn được Đảng ta bổ sung, phát triển gắn với những bước tiến của

tư duy, nhận thức. Trước đây, các nhà sáng lập CNXH khoa học chỉ mới đưa ra một số phác thảo cơ bản có tính dự báo về đặc trưng của CNXH dựa trên sự phân tích của các ông về các hình thái kinh tế - xã hội mà loài người đã trải qua trong lịch sử, đặc biệt là những giới hạn cần phải “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa. Thực tiễn phát triển của CNXH cho thấy, CNXH về bản chất và mục tiêu là thống nhất, nhưng mô hình phát triển ở thời kỳ quá độ rất đa dạng, phong phú, do chế định bởi trình độ phát triển, đặc thù về lịch sử, văn hóa của từng quốc gia - dân tộc. Trên nền tảng chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận CNXH từ nhiều phương diện khác nhau: Từ chủ nghĩa yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc, từ phương diện đạo đức, từ góc độ văn hóa, từ chủ nghĩa nhân

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 103

văn. Người kiến tạo đặc trưng CNXH là một chế độ phản ánh chất lượng phát triển mới, trình độ phát triển mới thực sự ưu việt, đầy tính nhân văn cao cả. “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”⁽²⁾. Người khẳng định: “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”⁽³⁾. Đối với Việt Nam, CNXH là con đường phát triển tất yếu do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo “nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”⁽⁴⁾. Những thành quả to lớn của cách mạng Việt Nam trong gần thế kỷ qua càng chứng minh giá trị và sức sống mãnh liệt của tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là tư tưởng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Ngay từ khi khởi xướng công cuộc đổi mới, Đảng ta đã xác định dứt khoát, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa (XHCN) mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về CNXH, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đồng thời, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã thành lập Tiểu ban nghiên cứu, xây dựng “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”, mà cốt lõi chính là xác định rõ mô hình CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam trong điều kiện mô hình CNXH hiện thực ở các nước Đông Âu, Liên Xô rơi vào khủng hoảng, rồi sụp đổ; công cuộc đổi mới ở nước ta mới bắt đầu khởi động; môi trường chiến lược toàn cầu thay đổi nhanh chóng. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) được công bố vào lúc mà CNXH

hiện thực ở các nước Đông Âu, Liên Xô sụp đổ đây chuyền đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đồng thời đặt ra cho Đảng ta yêu cầu phải phát huy cao độ sức sáng tạo lý luận để tìm tòi mô hình CNXH và con đường đi lên CNXH phù hợp thực tiễn đất nước và đặc điểm thời đại, khắc phục chủ nghĩa giáo điều dưới mọi hình thức và phòng ngừa chủ nghĩa cơ hội, nguy cơ chệch hướng XHCN.

Sáng tạo lý luận của Đảng thể hiện ở xác định mô hình CNXH Việt Nam với 6 đặc trưng. Đó là: 1- Do nhân dân lao động làm chủ; 2- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; 3- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 4- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; 5- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; 6- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Đây là những đặc trưng cấu trúc phản ánh bản chất hay mục tiêu cơ bản, chất lượng phát triển của CNXH ở Việt Nam mà nhân dân ta phấn đấu xây dựng và hướng tới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chính thực tiễn công cuộc đổi mới giúp Đảng ta có những hiểu biết, nhận thức mới về CNXH. Vì vậy, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung, phát triển thành 8 đặc trưng của CNXH Việt Nam: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại*

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 496

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 610

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 415

và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới⁽⁵⁾.

So với Cương lĩnh năm 1991 thì Cương lĩnh năm 2011 đã bổ sung 2 đặc trưng mới, đó là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và “Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”. Với 8 đặc trưng này, CNXH mà nhân dân ta phấn đấu xây dựng là “một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người⁽⁶⁾”. Đây cũng là mô hình CNXH “hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm⁽⁷⁾”. Cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới, bên cạnh việc xác định rõ những đặc trưng bản chất, cốt lõi của CNXH, Đảng ta ngày càng có những nhận thức đầy đủ hơn về thời kỳ quá độ lên CNXH, nhất là phương thức hiện thực hóa mục tiêu XHCN trong từng chặng đường phát triển đất nước phù hợp quy luật khách quan.

Các đặc trưng mô hình CNXH phản ánh mục tiêu mang tính bản chất của chế độ XHCN nêu trong Cương lĩnh đã trở thành ngọn cờ quy tụ, tập hợp lực lượng toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là đích hướng tới *chứa đựng lý tưởng khoa học, động cơ đạo đức*, vì dân tộc trường tồn, đất nước phát triển, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, vì tiến

bộ xã hội và lương tri, phẩm giá con người, vì một thế giới tốt đẹp hơn. *Mang lý tưởng khoa học nên đích hướng tới được luận chứng bằng căn cứ khoa học, khắc phục những quan niệm chủ quan, giáo điều trước đó; mang động cơ đạo đức nên CNXH hướng tới giá trị cao đẹp, khác với động cơ vụ lợi, hành động xu thời, cơ hội chủ nghĩa*. Đặc trưng CNXH nêu trên không chỉ thể hiện ở dạng cấu trúc hoàn chỉnh phải định hướng cho tương lai, mà còn phải từng bước được hiện thực hóa, định hình trong quá trình đổi mới đất nước mà người dân được chứng thực bằng chất lượng sống cải thiện hàng ngày, bằng sức mạnh, tiềm lực, uy tín và vị thế đất nước được nâng lên.

Tính đan xen phức tạp và đấu tranh gian khổ, lâu dài giữa cái mới với cái cũ, cái tiến bộ với cái thoái bộ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Muôn đạt tới mục tiêu chủ nghĩa cộng sản, tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài với tư cách là những nấc thang trung gian - như chỉ dẫn của C. Mác và Ph. Ăng-ghen: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”⁽⁸⁾. Trên cơ sở lý luận về sự phát triển “rút ngắn”, “không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” với tư cách là hình thức quá độ “gián tiếp” đi lên CNXH được các nhà sáng lập CNXH khoa học khởi phát,

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 70

(6), (7) Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, số 966, tháng 5-2021, tr. 5, 9

(8) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, t. 19, tr. 47

V.I. Lê-nin cho rằng, “cần phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”⁽⁹⁾ gắn với những điều kiện và biện pháp để thực hiện bước quá độ ấy.

Trước đổi mới, Đảng ta chưa nhận thức đầy đủ về thời kỳ quá độ lên CNXH là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường với những bước đi trung gian; vì vậy, đã vấp phải tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí, bất hiện thực khuôn theo các đặc trưng CNXH ở dạng cấu trúc hoàn chỉnh của tương lai. Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986), trong khi khởi xướng đường lối đổi mới, đã khắc phục tư tưởng “đốt cháy giai đoạn” nêu trên bằng việc “chặng đường hóa”, “lộ trình hóa” cho cả thời kỳ quá độ với khẳng định: “Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”⁽¹⁰⁾. Trong đó, “chặng đường đầu tiên” là bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn với mục tiêu đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Cương lĩnh năm 1991* xác định: “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”.

Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001), trên cơ sở tổng kết thực tiễn 15 năm đổi mới, đã lượng hóa những cái phải “bỏ qua”, lượng giá những cái cần “kế thừa” chủ nghĩa tư bản để thực hiện quá độ lên CNXH: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của

quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”⁽¹¹⁾; đồng thời, khẳng định “xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ*”⁽¹²⁾. Tính đan xen, khó khăn, phức tạp của thời kỳ quá độ được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: “Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế”⁽¹³⁾.

Với những thành tựu lý luận hiện nay, phân kỳ thời kỳ quá độ được xác định gồm: “Chặng đường đầu tiên” có nhiệm vụ tạo trạng thái ổn định vững chắc để chuẩn bị tiền đề thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước - “Chặng đường thứ hai” của thời kỳ quá độ - nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trù liệu ban đầu của

(9) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 38, tr. 464

(10) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 41

(11) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 84

(12) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr. 85

(13) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 35

Đảng là hoàn thành cơ bản mục tiêu của “Chặng đường thứ hai” vào năm 2020, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, chúng ta đã phải điều chỉnh lộ trình. Đại hội XIII của Đảng xác định mục tiêu đến năm 2025 nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một cách diễn đạt về điều chỉnh lộ trình tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xác định nội dung cho chặng đường “hậu công nghiệp hóa” là phấn đấu trở thành nước phát triển.

Cương lĩnh năm 2011 của Đảng xác định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử... Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”⁽¹⁴⁾. Như vậy, nhận thức lý luận về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam từng bước được bổ sung, phát triển, ngày càng hoàn thiện. Đó là cơ sở để Đảng ta tiếp tục khẳng định, thực hiện quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, khó khăn, phức tạp; vì thế, phải kiên trì, không chủ quan, nóng vội; phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước, tôn trọng quy luật khách quan, tránh giáo điều, rập khuôn, máy móc. Thành công hay thất bại của sự nghiệp xây dựng CNXH phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, của bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, như khẳng định của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo

sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội”⁽¹⁵⁾.

Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Phương hướng xây dựng CNXH Việt Nam là một nội dung quan trọng, luôn được Đảng nhận thức, bổ sung phù hợp với từng giai đoạn. Đại hội VI (năm 1986) nêu tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN. Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường XHCN, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, vượt qua mọi rào cản đối với công cuộc xây dựng CNXH.

Cương lĩnh năm 1991 của Đảng xác định phương hướng cơ bản là: 1- Xây dựng nhà nước XHCN, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân; 2- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại; không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; 3- Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN; 4- Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; 5- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu,

(14) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr. 70

(15) Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Sđd, tr. 25

nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; 6- Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng; 7- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng XHCN ở nước ta.

Tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011* đã bổ sung, phát triển thành 8 phương hướng: 1- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; 2- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; 3- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; 4- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; 5- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; 6- Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; 7- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 8- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong các phương hướng xây dựng CNXH Việt Nam, sáng tạo lý luận quan trọng thể hiện ở việc Đảng ta xác định 3 trụ cột: *Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho phát triển đất nước; Kinh tế thị trường định hướng XHCN là công cụ, phương tiện giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH Việt Nam; Nhà nước pháp quyền XHCN là hình thức tối ưu bảo đảm quyền lực nhà nước của*

nhân dân và thực thi, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân.

Nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được bắt đầu từ khi đất nước bước vào đổi mới và tiếp tục được bổ sung qua các nhiệm kỳ đại hội của Đảng. Đại hội XIII của Đảng yêu cầu thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đó là “nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”. Theo đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là một trong ba khâu đột phá chiến lược, được Đảng ta xác định từ Đại hội XI. Điểm mới lần này là nội hàm được xác định rộng và cụ thể hơn, đó là “*hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”⁽¹⁶⁾.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta*, là thành quả lý luận quan trọng”⁽¹⁷⁾ của Đảng. Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho CNXH, nâng cao đời sống của nhân dân. Kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây chính là mô hình kinh

(16) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. II, tr. 337

(17) Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tlđđ*, tr. 8

tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Mô hình kinh tế này bảo đảm tính thống nhất giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Chính thực tiễn phát triển mô hình kinh tế này đã “đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua”⁽¹⁸⁾.

Tổng kết việc xây dựng Nhà nước cách mạng Việt Nam, có thể thấy, trong quá trình đổi mới Đảng ta đã kế thừa các giá trị phổ quát của nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại, đồng thời sáng tạo nên những giá trị riêng có của Việt Nam. Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình đi lên CNXH ở nước ta.

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nên tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”⁽¹⁹⁾.

Đại hội XIII của Đảng xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Sự vận hành của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam phải tuân thủ nghiêm túc “nguyên tắc pháp quyền”, giải quyết tốt mối quan hệ giữa “Nhà nước, thị trường và xã hội”, từ đó Nhà

nước tạo lập, dẫn dắt, kiến tạo môi trường chính trị, pháp lý, xã hội để các chủ thể kinh tế - xã hội hoạt động thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh, phát huy tối đa năng lực, sức sáng tạo và nguồn lực, lợi thế của mình. Để thực hiện được định hướng này, Đại hội XIII của Đảng xác định rõ mục tiêu “xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động”, “lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”⁽²⁰⁾. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định.

Thực tiễn đổi mới của Việt Nam đã chứng tỏ Nhà nước pháp quyền XHCN là hình thức tối ưu thực hiện quyền lực của nhân dân, “là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”⁽²¹⁾, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định.

Những phương hướng này là kết quả tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, khẳng định Đảng ta ngày càng làm sáng rõ hơn kiểu quá độ “gián tiếp” từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH phù hợp trình độ, điều kiện của Việt Nam và thích ứng với xu hướng mới của thế giới.

(18) Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tlđđ*, tr. 10

(19) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđđ*, tr. 85

(20) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđđ*, t. I, tr. 175

(21) Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tlđđ*, tr. 10

Các mối quan hệ lớn cần nắm vững và giải quyết tốt trong quá trình thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong quá trình xây dựng CNXH, Đảng ta đã tổng kết, hệ thống hóa và xác định các mối quan hệ lớn và đề cập lần đầu tiên trong *Cương lĩnh năm 2011*. Đại hội XI của Đảng nhận thức, khi thực hiện 8 phương hướng xây dựng CNXH phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt 8 quan hệ lớn là: 1- Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; 2- Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; 3- Giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN; 4- Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; 5- Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; 6- Giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; 7- Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; 8- Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Tổng kết 5 năm giải quyết các mối quan hệ lớn này, Đại hội XII hoàn chỉnh mỗi quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”, thành mỗi quan hệ “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa”, nhằm làm rõ hơn nhận thức rằng trong CNXH vẫn tồn tại nền kinh tế thị trường; và bổ sung mỗi quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường”. Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã hoàn thiện mỗi quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường”, thành mỗi quan hệ giữa “Nhà nước, thị trường và xã hội”.

Tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục có những nhận thức, bổ sung mới về các mối quan hệ lớn. Đó là điều chỉnh, bổ sung mỗi quan hệ “*giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*”, thành “*giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường*”; điều chỉnh mỗi quan hệ “*giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*”, thành “*giữa xây*

dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”; điều chỉnh mỗi quan hệ “*giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”, thành “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ*”. Đặc biệt, xuất phát từ thực tiễn, Đảng bổ sung mỗi quan hệ “*giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*”⁽²²⁾.

Như vậy, Đảng đã có những điều chỉnh, bổ sung từng mối quan hệ một cách chặt chẽ, đầy đủ, thành 10 mối quan hệ lớn cần giải quyết. Đây là những vấn đề mang tính quy luật khách quan, tồn tại, vận động trong điều kiện quá độ “gián tiếp”, phải được nhận thức sâu sắc và giải quyết thường xuyên ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực. Mười mối quan hệ lớn là sự khái quát cao nhận thức lý luận của Đảng trên con đường thực hiện quá độ lên CNXH.

Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH có nhiều nội dung, mỗi nội dung có quy luật phát triển riêng, gắn với diễn trình lịch sử từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Trên đây là những nội dung cốt lõi thể hiện sáng tạo lý luận về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam của Đảng ta. Thành tựu công cuộc đổi mới hơn 35 năm qua khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của mô hình CNXH và quá độ lên CNXH mà Đảng ta đã tìm tòi, khẳng định, khái quát thành mô hình đặc trưng, phương thức thực hiện và phương hướng chỉ đạo. Tuy nhiên, bổ sung, phát triển, hoàn thiện lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình, phải dựa trên tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận. Tinh thần sáng tạo và kinh nghiệm thực tiễn dày dặn là cơ sở cho Đảng ta nâng tầm trí tuệ, tiếp tục bổ sung, phát triển lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH, nhất là những vấn đề lý luận về các chặng đường “hậu công nghiệp hóa” và sau khi hoàn thành mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI. □

(22) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. 1, tr. 119